TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ LX** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án: 05/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 22/01/2020
V/v "tranh chấp ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LX

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Huỳnh Bích Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đoàn Kim Thạnh

2. Ông Trần Hùng Bích

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Xuân Bích – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố LX, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố LX: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 22 tháng 01 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố LX, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 812/2019/TLST- HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2019 về việc " tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2020/QĐXXST- HNGĐ, ngày 13 tháng 01 năm 2020 giữa các đương sự:

- Ng đơn: Bà Huỳnh Thị Bích Ph, sinh năm 1970; (vắng mặt – có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Số 1487^{B}/75, khóm B 3, phường B thành phố LX, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: Ông Võ Văn Ng, sinh năm 1964; (vắng mặt – có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Số 157/22B, khóm B 1, phường B thành phố LX, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và đơn khởi kiện bổ sung ngày 23/12/2019, Nguyên đơn bà Huỳnh Thị Bích Ph trình bày*:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Ng tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 1985, không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống cũng đầm ấm, hạnh phúc nhưng về sau thì phát sinh mâu thuẫn từ năm 1988 và sống ly

thân cho đến nay. Ng nhân là do ông Ng có mối quan hệ bất chính với người phụ nữ khác bên ngoài thường về nhà kiếm chuyện, chửi mắng, xua đuổi vợ con nên hạnh phúc gia đình bị đổ vỡ, bất đồng quan điểm trong cách cư xử vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, nên thường xảy ra cãi vả, gây gổ nhau dẫn đến mất hạnh phúc gia đình. Nay nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng và không thể tiếp tục chung sống nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Võ Văn Ng.

- Về con chung: Bà Ph và ông Ng có 01 (một) con chung là cháu Võ Thanh T, sinh ngày 01/7/1987. Hiện cháu T đã thành niên có khả năng lao động, tự nuôi sống bản thân nên bà Ph không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Ph trình bày không yêu cầu tòa án xem xét giải quyết.

Do đi làm ăn xa và điều kiện đi lại khó khăn. Nguyên đơn bà Ph vẫn không thay đổi nội dung yêu cầu và nội dung đã trình bày tại đơn khởi kiện và tờ tự khai, bà cho rằng đến nay tình cảm vợ chồng không còn, bà không còn tình cảm nào với ông Ng nên bà yêu cầu ly hôn với ông Ng.

** Theo tờ tự khai ngày 30/12/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Võ Văn Ng trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Ông thống nhất ý kiến trình bày của bà Huỳnh Thị Bích Ph . Ông, bà tự nguyện tiến đến hôn nhân và chung sống với nhau từ năm 1985. Ông, bà không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng về sau thì phát sinh mâu thuẫn từ năm 1988 và sống ly thân cho đến nay. Ng nhân là do tính tình không phù hợp, bất đồng quan điểm trong cách cư xử vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, nên thường xảy ra cãi vả nhau dẫn đến mất hạnh phúc gia đình. Nay nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng và không thể tiếp tục chung sống nên ông đồng ý ly hôn với bà Huỳnh Thị Bích Ph .

- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Ông thống nhất ý kiến bà Ph trình bày, ông không có ý kiến gì khác.

Do điều kiện sức khỏe không được tốt nên ông thống nhất toàn bộ với nội dung theo bản tự khai và đơn khởi kiện ly hôn mà bà Ph nộp cho tòa án, nên ông yêu cầu được xét xử vắng mặt tại phiên tòa xét xử của Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ng đơn bà Huỳnh Thị Bích Ph có đơn xin xét xử vắng mặt lý do đi làm ăn xa; bị đơn ông Võ Văn Ng có đơn xin xét xử vắng mặt, lý do bản thân sức khỏe không tốt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Ph , ông Ng là phù hợp.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết tranh chấp: Bà Huỳnh Thị Bích Ph yêu cầu ly hôn với ông Võ Văn Ng. Nay vợ chồng bà Ph và ông Ng

phát sinh mâu thuẫn, bà Ph xin ly hôn nên Tòa án thụ lý giải quyết là phù hợp các quy định của pháp luật tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Xét, Bà Huỳnh Thị Bích Ph và ông Võ Văn Ng xác lập quan hệ vợ chồng từ năm 1985, tức trước thời điểm ngày 03/01/1987, ngày Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986 có hiệu lực nhưng chưa đăng ký kết hôn, theo quy định tại điểm a khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội được xem là hôn nhân thực tế. Quá trình chung sống giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và bà Ph có đơn xin ly hôn nên Tòa án thụ lý xem xét, giải quyết theo thủ tục chung.

Xét yêu cầu xin ly hôn của bà Ph, Hội đồng xét xử nhận thấy: Bà Ph cho rằng trong quá trình chung sống giữa ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn, Ng nhân là do bất đồng quan điểm trong cách giao tiếp, trong cuộc sống vợ chồng thiếu sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau nên thường xảy ra gây gổ, cự cải nhau và từ năm 1988, ông Ng đã có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác bên ngoài và ông bà không sống chung cho đến nay. Bà Ph xác định không còn tình cảm với ông Ng nên yêu cầu được ly hôn với ông Ng. Về phía ông Ng cho rằng trong thời kỳ hôn nhân do hai bên bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung nên hạnh phúc gia đình bị đổ vỡ và từ năm 1988, ông và bà Ph đã ly thân cho đến nay. Do hiện nay ông không còn tình cảm nên đồng ý ly hôn với bà Ph .

Lẽ ra, trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự có thỏa thuận với nhau và trong quá trình thu thập chứng cứ do nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin vắng mặt nên tòa án không tiến hành hòa giải thành được. Do đó tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của bà Ph là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 51, 53, 56 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Về con chung: Bà Ph và ông Ng thống nhất thời gian chung sống có 01 (một) con chung là cháu Võ Thanh T, sinh ngày 01/7/1987. Do con chung đã trưởng thành và có gia đình riêng nên không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[3.3] Về tài sản chung: Bà Ph và ông Ng thống nhất không yêu cầu tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.4] Về nợ chung: Bà Ph và ông Ng thống nhất không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí sơ thẩm: Bà Huỳnh Thị Bích Ph phải chịu án phí hôn nhân, gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 143; khoản 1 Điều 146; khoản 4 điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271, khoản 1 Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 51, 53, 56 Luật hôn nhân và gia đình;

- Điểm a khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình.

- Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mua thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Xử vắng mặt bà Huỳnh Thị Bích Ph và ông Võ Văn Ng.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ng đơn.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Huỳnh Thị Bích Ph được ly hôn với ông Võ Văn Ng.

[2] Về con chung: Bà Ph và ông Ng có 01 (một) con chung là cháu Võ Thanh T, sinh ngày 01/7/1987 hiện nay đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không đề cập xem xét giải quyết.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

[4] Về án phí: Bà Huỳnh Thị Bích Ph phải chịu số tiền 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005942, ngày 23/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố LX.

[5] Về quyền kháng cáo: Bà Huỳnh Thị Bích Ph với ông Võ Văn Ng có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND TP.LX;
- Chi cục THADS Tp.LX;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Huỳnh Bích Tuyền